

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/08/2020

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Mạc Thị Hồng

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:**
bà Lê Phương Thùy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2020/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX - HNGĐ, ngày 16/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986

HKTT: thôn 4, xã Q, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1983

HKTT: TDP Y, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(Hiện anh M đang chấp hành án tại K1, Trại giam V, Cục C10, Bộ Công an). Địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

(có mặt chị L, vắng mặt anh M - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/6/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Phổ Yên (nay là phường B, thị xã Phổ Yên), Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chị L về làm dâu, chung sống cùng gia đình anh M tại tổ dân phố Y, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Vợ chồng chỉ chung sống với nhau được vài tháng (đến tháng 5/2014), anh M phạm tội đánh bạc, bị xử phạt 24 tháng tù, chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4. Sau khi anh hết án trở về địa phương vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh M nghi ngờ chị có mối quan hệ với người khác trong thời gian anh đi trại nên đã không thăm gặp anh thường xuyên. Vợ chồng thường xuyên cãi cọ, không có hạnh phúc, anh M lại sa vào chơi bời, nghiện hút ma túy, chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh không bỏ được. Tháng 01/2017 vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh M vứt hết quần áo của chị đi nên chị đã bỏ về quê ở Thanh Hóa cho đến nay. Từ tháng 4/2017, anh M tiếp tục phạm tội và bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xử phạt 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản, hiện anh M đang chấp hành án tại K1, Trại giam V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời gian anh M ở trại, chị cũng có đôi lần lên thăm anh, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không còn nên sau đó chị cũng không đi thăm nữa, từ đó vợ chồng không liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, Phổ Yên, Thái Nguyên (nay là phường B, thị xã Phổ Yên) ngày 25/01/2014. Vợ chồng chung sống thời gian ngắn, đến tháng 5/2014, anh bị bắt về tội “Trộm cắp tài sản” và bị xử phạt 30 tháng tù. Thời gian anh đi cải tạo, chị L không quan tâm, không thường xuyên thăm gặp anh. Ngày 18/8/2016, anh cải tạo xong quay về địa phương sinh sống, đến tháng 11/2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh tiếp tục sử dụng chất ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 05/4/2017, anh tiếp tục phạm “Trộm cắp tài sản” bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xử phạt 05 năm tù, hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong suốt quá trình bị bắt, xét xử rồi đi cải tạo, chị L không quan tâm, thăm gặp anh. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: Đều không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đồng ý xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị L được ly hôn anh M.

+ Về con chung: không có.

+ Về tài sản chung, khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

+ Án phí: chị L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

{1} Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, có đơn khởi kiện xin được ly hôn anh Nguyễn Văn M, có hộ khẩu thường trú tại: TDP Y, phường B, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

{1.2} Về sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, anh M có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt M.

{2} Về nội dung: chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, HĐXX nhận thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh M vi phạm pháp luật, bị Tòa án xét xử 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi hết thời gian thụ án, trở về địa phương thì cuộc sống vợ chồng lại không có hạnh phúc do anh M ghen tuông, cho rằng chị L có mối quan hệ với người khác trong thời gian anh đi thụ án. Sau đó anh M lại sử dụng ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn và chị L bỏ về gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 01/2017 cho đến nay, anh M tiếp tục phạm tội và bị xét xử 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Chị L xác định, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai đối với anh M do Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo thực hiện tại Trại Giam V, tỉnh Vĩnh Phúc, anh M cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, do bản thân anh mắc nghiện, vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù giam, do vậy, anh đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, căng thẳng, kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, do vậy cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh M là phù hợp với quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

{2.2} Về con chung: Không có

{2.3} Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: chị Loan, anh Mạnh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay, nợ ai tài sản gì nên HĐXX không xem xét.

{2.4} Án phí: Chị Nguyễn Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: không có

3. Về Tài sản chung vợ chồng, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí tại biên lai số 0004782 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS t.x Phổ Yên;
- UBND p. B
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Thị Hồng